

Số: 51/2025/QĐST-HNGĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Kim N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số C Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Đỗ Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số E L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 28 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận A nay phường B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/4/2022 cho ông Nguyễn Kim N và bà Đỗ Nguyễn Thanh T nên xác định quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Kim N và bà Đỗ Nguyễn Thanh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Kim N và bà Đỗ Nguyễn Thanh T đều xác nhận do vợ chồng bất đồng ý kiến dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Nguyễn Kim N và bà Đỗ Nguyễn Thanh T đều thuận tình ly hôn với nhau. Việc thuận tình ly hôn của ông

Nguyễn Kim N và bà Đỗ Nguyễn Thanh T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[3] Về con chung: Hai bên xác nhận chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Đỗ Vương N1 sinh ngày 12/12/2023. Hai bên thỏa thuận giao con tên Nguyễn Đỗ Vương N1 sinh ngày 12/12/2023 cho bà Đỗ Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Kim N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 9 năm 2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Kim N và bà Đỗ Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Đỗ Vương N1 sinh ngày 12/12/2023 cho bà Đỗ Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Kim N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên.

Ông Nguyễn Kim N được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi giữ hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đỗ Nguyễn Thanh T đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con phải trả cho bà Đỗ Nguyễn Thanh T cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Kim N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Kim N và bà Đỗ Nguyễn Thanh T phải chịu lệ phí việc Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được cân trừ vào số tiền ông Nguyễn Kim N và bà Đỗ Nguyễn Thanh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015295 ngày 08/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Kim N và bà Đỗ Nguyễn Thanh T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND cùng cấp;
- UBND P. Bến Thành, Tp. HCM;
- Phòng THADS KV1, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: V.P, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Nhàn